

Bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu ở Việt Nam và kinh nghiệm luật pháp nước ngoài.

Ths. Gvc Trần Dũng Hải

Phó Trưởng khoa phụ trách Khoa Luật, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Tóm tắt:

Nghiên cứu tập trung đánh giá vai trò, ý nghĩa của bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu ở Việt Nam, các thách thức đặt ra từ thực tiễn và kinh nghiệm luật pháp nước ngoài (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, ...) và từ đó kiến nghị các giải pháp bước đầu nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu.

Từ khóa:

Bản quyền tác phẩm số; Thách thức đối với bảo vệ bản quyền tác phẩm số trong giáo dục và nghiên cứu; Pháp luật nước ngoài về bảo vệ bản quyền tác phẩm số.

Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành định nghĩa tại khoản 2, Điều 4 rằng “quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu”. Quyền tác giả là một đối tượng quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ. Ở Việt Nam, bắt đầu từ Hiến pháp 1980, quyền tác giả được công nhận là một trong những quyền cơ bản của công dân. Bên cạnh các quy định về bảo vệ quyền tác giả quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ, Việt Nam còn tham gia tổng cộng 08 điều ước quốc tế song phương và đa phương về quyền tác giả, quyền liên quan, trong đó có: 05 công ước và hiệp ước quốc tế gồm Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học - nghệ thuật (2004), Công ước Geneve về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm (2005), Công ước Brussel liên quan đến việc phân phối tín hiệu mang chương trình truyền qua vệ tinh (2006), Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng (2007), Hiệp định TRIPs về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (2007) đã lần lượt có hiệu lực tại Việt Nam. Cùng với đó là 03 điều ước quốc tế song phương gồm: Hiệp định thiết lập quan hệ quyền tác giả, Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ và Hiệp định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với Liên bang Thụy Sĩ đã lần lượt có hiệu lực tại các quốc gia ký kết.

Bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu ở Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng và mang lại nhiều lợi ích cho sự phát triển của hệ thống giáo dục, nghiên cứu khoa học và toàn xã hội. Có thể thấy vai trò, ý nghĩa của bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu như sau:

Khuyến khích sự sáng tạo và bảo vệ quyền lợi của tác giả:

- Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người sáng tạo: Bản quyền giúp các tác giả và nhà sáng tạo nội dung có quyền kiểm soát việc sử dụng tác phẩm của mình. Điều này đảm bảo rằng các tài liệu số được sử dụng đúng mục đích và theo các quy định pháp luật, đồng thời ngăn chặn việc sao chép, sử dụng trái phép.

- Khuyến khích sáng tạo và đổi mới: Khi quyền lợi của tác giả được bảo vệ, họ có động lực sáng tạo ra nhiều tài liệu và nội dung số chất lượng cao hơn, từ đó làm phong phú thêm nguồn tài nguyên học tập và nghiên cứu. Điều này thúc đẩy sự phát triển của khoa học và tri thức, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu tại Việt Nam.

Đảm bảo chất lượng giáo dục và nghiên cứu:

- Đảm bảo quyền tiếp cận tài liệu chất lượng: Bảo vệ bản quyền khuyến khích các tác giả và nhà xuất bản cung cấp các tài liệu giáo dục và nghiên cứu chất lượng cao, qua đó giúp học sinh, sinh viên, và các nhà nghiên cứu tiếp cận được với những tài liệu đáng tin cậy.

- Hạn chế việc sử dụng tài liệu không rõ nguồn gốc và chất lượng kém: Việc tuân thủ các quy định bản quyền giúp giảm thiểu tình trạng sao chép và sử dụng tài liệu không có giấy phép, từ đó nâng cao chất lượng học tập và nghiên cứu.

Thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ số trong giáo dục:

- Khuyến khích số hóa tài liệu học tập và nghiên cứu: Việc bảo vệ bản quyền tác phẩm số tạo động lực cho các tác giả, nhà xuất bản và cơ sở giáo dục số hóa tài liệu, giúp gia tăng khả năng tiếp cận tài nguyên học tập trong môi trường số.

- Phát triển các nền tảng giáo dục số và chia sẻ tài nguyên số hợp pháp: Bản quyền được bảo vệ đúng đắn sẽ khuyến khích phát triển các nền tảng giáo dục số và thư viện số, qua đó hỗ trợ quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu một cách hiệu quả hơn.

Bảo vệ giá trị kinh tế của các tác phẩm số:

- Ngăn chặn hành vi vi phạm bản quyền, gây thiệt hại về kinh tế cho tác giả và nhà xuất bản: Vi phạm bản quyền không chỉ ảnh hưởng đến quyền lợi tinh thần mà còn gây thiệt hại về kinh tế cho người sáng tạo và nhà phát hành. Bảo vệ bản quyền giúp giảm thiểu tổn thất này và đảm bảo tác giả được hưởng lợi từ các giá trị kinh tế mà tác phẩm của họ mang lại.

- Thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp xuất bản và phân phối tài nguyên số: Khi quyền lợi của tác giả được bảo vệ, ngành công nghiệp xuất bản và phân phối tài nguyên số sẽ có thêm động lực để phát triển, tạo ra nhiều cơ hội việc làm và đóng góp vào nền kinh tế.

Đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận tài liệu số:

- Tạo điều kiện tiếp cận tài nguyên số cho mọi đối tượng: Các quy định về ngoại lệ bản quyền cho mục đích giáo dục và nghiên cứu cho phép sử dụng một cách

hợp lý các tài liệu số mà không làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả. Điều này giúp đảm bảo mọi người đều có thể tiếp cận tri thức, nhất là trong các cơ sở giáo dục.

- Khuyến khích các hình thức cấp phép mở: Các giấy phép mở như Creative Commons cho phép người dùng tiếp cận và sử dụng tài liệu một cách hợp pháp với điều kiện tuân thủ các quy định do tác giả đưa ra, giúp duy trì sự cân bằng giữa quyền tiếp cận và quyền lợi của tác giả.

Góp phần xây dựng môi trường học thuật lành mạnh:

- Ngăn chặn hành vi đạo văn và sao chép không hợp pháp: Việc bảo vệ bản quyền tác giả giúp ngăn chặn các hành vi sao chép trái phép, đạo văn trong các hoạt động học tập và nghiên cứu, từ đó giữ gìn tính trung thực và đạo đức trong học thuật.

- Xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật: Bằng cách giáo dục và tuyên truyền về bản quyền, sinh viên và giảng viên sẽ ý thức hơn về việc tuân thủ pháp luật, đồng thời phát triển thói quen tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong giáo dục và nghiên cứu:

- Tăng cường chia sẻ tài liệu học tập số giữa các quốc gia: Khi bản quyền tác phẩm số được bảo vệ tốt, việc chia sẻ tài liệu học tập và nghiên cứu giữa Việt Nam và các quốc gia khác sẽ trở nên dễ dàng hơn, góp phần thúc đẩy hợp tác giáo dục và nghiên cứu quốc tế.

- Tuân thủ các cam kết quốc tế về bảo vệ bản quyền: Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định quốc tế về bảo vệ quyền tác giả, chẳng hạn như Công ước Berne và Hiệp định TRIPS. Việc thực hiện tốt các quy định về bản quyền giúp Việt Nam giữ vững uy tín và trách nhiệm trong các cam kết quốc tế.

Việc bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong giáo dục và nghiên cứu ở Việt Nam không chỉ đảm bảo quyền lợi cho người sáng tạo mà còn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, thúc đẩy phát triển công nghệ số và xây dựng một môi trường học thuật lành mạnh.

Các thách thức đặt ra đối với việc bảo vệ bản quyền tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu:

Bảo vệ bản quyền tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu đối mặt với nhiều thách thức do nội dung có thể dễ dàng sao chép và chia sẻ trên mạng. Dưới đây là các thách thức chính trong việc bảo vệ bản quyền khi nội dung được số hóa:

- Dễ dàng sao chép và phân phối: Các tệp kỹ thuật số, như văn bản, hình ảnh, video và âm thanh, có thể được sao chép và truyền tải một cách dễ dàng và nhanh chóng mà không mất đi chất lượng. Điều này làm tăng nguy cơ vi phạm bản quyền khi người dùng có thể chia sẻ hoặc sao chép trái phép các tác phẩm số. Mạng Internet và các nền tảng truyền thông xã hội cho phép nội dung lan truyền toàn cầu chỉ trong vài giây, khiến cho việc kiểm soát và ngăn chặn vi phạm bản quyền trở nên khó khăn hơn.

- Sự thiếu hiểu biết về bản quyền dẫn đến vi phạm: Nhiều người dùng không có đủ kiến thức về bản quyền và các quyền liên quan, dẫn đến việc sao chép hoặc chia sẻ nội dung mà không biết rằng họ đang vi phạm pháp luật. Điều này đặc biệt phổ biến trong môi trường giáo dục, khi người học và giảng viên có thể sử dụng tài liệu số mà không nhận thức được về các quy định bản quyền. Một số người dùng hiểu sai hoặc lạm dụng quy định ngoại lệ trong việc sử dụng bản quyền tác giả để biện minh cho việc sử dụng nội dung có bản quyền mà không xin phép.

- Khó khăn trong việc xác định và ngăn chặn vi phạm: Vi phạm xảy ra ở quy mô toàn cầu. Khi nội dung bị chia sẻ trên các nền tảng trực tuyến hoặc trang web nước ngoài, việc thực thi quyền tác giả trở nên phức tạp vì cần phải xử lý qua nhiều hệ thống pháp lý khác nhau. Nội dung tác phẩm số cũng có thể dễ dàng chỉnh sửa, cắt ghép hoặc biến đổi nội dung gốc để tránh bị phát hiện. Những thay đổi này có thể làm mờ đi ranh giới giữa nội dung gốc và nội dung đã qua chỉnh sửa, khiến việc xác định vi phạm trở nên khó khăn hơn.

- Vấn đề về thực thi quyền tác giả trên các nền tảng kỹ thuật số là rất khó khăn: Các nền tảng chia sẻ nội dung như YouTube, Facebook và Instagram chứa rất nhiều nội dung do người dùng tạo ra, trong đó có không ít nội dung vi phạm bản quyền. Mặc dù các nền tảng này có cơ chế báo cáo và gỡ bỏ nội dung vi phạm, nhưng quá trình này thường mất thời gian và không đạt hiệu quả hoàn toàn. Bên cạnh đó các công cụ tự động hóa và thuật toán nhận diện nội dung vi phạm như Content ID của YouTube thường là không hoàn hảo, có thể mắc sai sót khi xác định vi phạm, dẫn đến việc gỡ bỏ sai nội dung hoặc bỏ sót các trường hợp vi phạm thực sự.

- Sự phát triển của công nghệ phi tập trung như công nghệ blockchain và mạng ngang hàng (P2P) tạo điều kiện cho việc chia sẻ nội dung số mà không cần sự can thiệp của bên thứ ba. Điều này làm cho việc theo dõi và ngăn chặn vi phạm bản quyền trở nên khó khăn hơn. Sự tồn tại của các trang web và dịch vụ chia sẻ nội dung trái phép rất khó kiểm soát triệt để. Các trang web này thường thay đổi địa chỉ hoặc sử dụng công nghệ mã hóa để né tránh sự can thiệp từ cơ quan quản lý.

- Vấn đề về bản quyền đối với nội dung do trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra như các tác phẩm số như văn bản, hình ảnh, hoặc âm nhạc. Điều này đặt ra câu hỏi về quyền tác giả: ai là người sở hữu bản quyền - người sử dụng AI, người phát triển công cụ AI, hay AI tự nó không thể có quyền tác giả? AI cũng có thể tự động sao chép và chỉnh sửa các tác phẩm có bản quyền mà không được sự cho phép, dẫn đến những tranh cãi về việc AI có vi phạm bản quyền hay không.

- Khó khăn trong việc định lượng thiệt hại: Trong môi trường số, việc xác định thiệt hại tài chính do vi phạm bản quyền gây ra không phải là Australia nào cũng rõ ràng. Việc nội dung được sao chép hoặc chia sẻ trực tuyến có thể làm giảm giá trị thương mại của tác phẩm gốc, nhưng mức độ thiệt hại thực tế lại khó đo lường.

Mặc dù lợi ích của tài nguyên số đối với người học và các giảng viên trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu là không thể bàn cãi, nhưng các thách thức đặt ra đối với việc bảo vệ bản quyền các tác phẩm số cũng đòi hỏi cần có các biện pháp

pháp lý, công nghệ, và nhận thức cộng đồng để bảo vệ bản quyền hiệu quả trong bối cảnh số hóa ngày càng phát triển. Sự thiếu hụt nhận thức về bản quyền trong cộng đồng giảng viên và người học là rất phổ biến trong bối cảnh khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tài liệu số bản quyền chính thức.

Kinh nghiệm từ các quốc gia khác về bảo vệ bản quyền tác giả đối với tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu:

Hoa Kỳ:

Quy định về “sử dụng hợp lý” (fair use) trong môi trường giáo dục và các giới hạn cho phép sử dụng tác phẩm số mà không cần xin phép.

Quy định về “sử dụng hợp lý” (Sử dụng hợp lý) trong luật bản quyền của Hoa Kỳ là một ngoại lệ cho phép sử dụng các tác phẩm có bản quyền mà không cần xin phép tác giả hoặc trả phí bản quyền trong một số trường hợp nhất định. Đây là quy định quan trọng trong môi trường giáo dục, nơi việc tiếp cận và sử dụng tài liệu học tập là cần thiết. Dưới đây là chi tiết về “sử dụng hợp lý” trong môi trường giáo dục và các giới hạn liên quan:

Cơ sở pháp lý của “sử dụng hợp lý” trong luật bản quyền Hoa Kỳ

- Quy định “sử dụng hợp lý” nằm trong Điều 107 của Luật Bản quyền Hoa Kỳ (Copyright Act of 1976).

- Điều luật này xác định rằng việc sử dụng tài liệu có bản quyền mà không cần xin phép có thể được coi là hợp lý nếu phục vụ cho các mục đích như phê bình, bình luận, báo chí, giảng dạy (bao gồm sao chép cho lớp học), nghiên cứu học thuật và các hoạt động giáo dục khác.

Bốn yếu tố xác định “sử dụng hợp lý”

- Để quyết định liệu một trường hợp sử dụng có được coi là “sử dụng hợp lý” hay không, cần xem xét bốn yếu tố sau:

Thứ nhất - Mục đích và tính chất của việc sử dụng: Nếu việc sử dụng nhằm mục đích phi lợi nhuận, giáo dục hoặc mang tính biến đổi (biến đổi tác phẩm gốc thành một thứ gì đó mới), thì khả năng được coi là “sử dụng hợp lý” cao hơn.

Thứ hai - Bản chất của tác phẩm có bản quyền: Tác phẩm mang tính sáng tạo cao như tiểu thuyết hoặc phim có khả năng được bảo vệ mạnh mẽ hơn, trong khi các tài liệu thực tế, như sách giáo khoa, có thể được sử dụng dễ dàng hơn trong môi trường giáo dục.

Thứ ba - Khối lượng và tính chất của phần được sử dụng: Việc sử dụng một phần nhỏ và không phải là phần cốt lõi của tác phẩm gốc sẽ dễ được coi là “sử dụng hợp lý”. Tuy nhiên, nếu phần sử dụng là "phần quan trọng nhất" hoặc "linh hồn" của tác phẩm, thì khả năng được coi là sử dụng hợp lý sẽ thấp hơn.

Thứ tư - Ảnh hưởng của việc sử dụng đến thị trường tiềm năng hoặc giá trị của tác phẩm gốc: Nếu việc sử dụng làm giảm giá trị thương mại của tác phẩm gốc hoặc

thay thế nhu cầu sử dụng bản sao có bản quyền, thì khả năng được coi là “sử dụng hợp lý” sẽ thấp.

Ứng dụng “sử dụng hợp lý” trong môi trường giáo dục

- Sao chép tài liệu cho lớp học: Giảng viên có thể sao chép một số lượng nhỏ của tài liệu (ví dụ, một chương sách hoặc một bài báo) để phân phát cho người học mà không cần xin phép, miễn là việc sao chép không mang tính hệ thống hoặc định kỳ.

- Trích dẫn và sử dụng trong các bài giảng hoặc tài liệu học tập: Các đoạn trích ngắn có thể được sử dụng trong bài giảng hoặc tài liệu học tập mà không cần xin phép, nếu việc sử dụng mang tính giáo dục và không làm ảnh hưởng đến giá trị thương mại của tác phẩm.

- Trình chiếu và phát lại các tác phẩm số: Giảng viên có thể trình chiếu phim ảnh, nghe nhạc hoặc sử dụng các tài liệu số trong lớp học với mục đích giảng dạy mà không cần xin phép, nếu phù hợp với các yếu tố “sử dụng hợp lý”.

Giới hạn của “sử dụng hợp lý” trong môi trường giáo dục

- Không được sử dụng toàn bộ tác phẩm một cách thường xuyên: Việc sử dụng toàn bộ tác phẩm hoặc sao chép tác phẩm một cách định kỳ cho nhiều lớp học có thể bị coi là vi phạm bản quyền.

- Không được sao chép tài liệu thay thế cho sách giáo khoa hoặc tài liệu có sẵn trên thị trường: Nếu việc sao chép tài liệu để thay thế cho sách giáo khoa mà học sinh đáng lẽ phải mua, thì sẽ không được coi là “sử dụng hợp lý”.

- Không thể sao chép tác phẩm số với mục đích thương mại: Nếu việc sử dụng tài liệu số nhằm mục đích thương mại hoặc kiếm lợi nhuận, thì sẽ không được bảo vệ bởi “sử dụng hợp lý”.

Các trường hợp điển hình về “sử dụng hợp lý” trong giáo dục

- Giảng viên sao chép một bài thơ ngắn hoặc một đoạn văn từ một quyển sách để giảng dạy trên lớp: Đây có thể được coi là “sử dụng hợp lý” vì mục đích giáo dục, khối lượng sử dụng nhỏ, và không làm ảnh hưởng đến giá trị thương mại của tác phẩm.

- Sử dụng các trích đoạn từ một bộ phim hoặc chương trình truyền hình trong một bài giảng: Điều này thường được chấp nhận nếu việc sử dụng nhằm phân tích nội dung, trình bày quan điểm hoặc giảng dạy về một chủ đề liên quan.

Quy định “sử dụng hợp lý” giúp cân bằng giữa việc bảo vệ quyền tác giả và nhu cầu sử dụng tác phẩm số trong môi trường giáo dục, tuy nhiên, cần xem xét kỹ lưỡng từng trường hợp cụ thể để tránh vi phạm bản quyền.

Châu Âu (EU)

Các quy định trong Chỉ thị bản quyền số (Digital Copyright Directive), đặc biệt là quy định về sử dụng tài liệu số trong mục đích giáo dục. Chỉ thị bản quyền số (Digital Copyright Directive) của Liên minh châu Âu (EU), hay còn gọi là Chỉ thị 2019/790, được thông qua vào tháng 4 năm 2019, nhằm hiện đại hóa các quy định về bản quyền trong thời đại kỹ thuật số. Chỉ thị này bao gồm nhiều quy định quan trọng về việc bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan đối với các tác phẩm số. Một trong những khía cạnh quan trọng của Chỉ thị là các quy định liên quan đến việc sử dụng tài liệu số cho mục đích giáo dục.

Quy định về việc sử dụng tài liệu số trong giáo dục (Điều 5)

Điều 5 của Chỉ thị bản quyền số đặc biệt liên quan đến việc sử dụng tài liệu số cho mục đích giáo dục, với các quy định cụ thể như sau:

- Ngoại lệ cho mục đích giáo dục: Chỉ thị cho phép các quốc gia thành viên EU áp dụng ngoại lệ hoặc giới hạn đối với quyền tác giả để cho phép việc sử dụng tài liệu số trong mục đích giáo dục, đặc biệt là trong các hoạt động dạy và học, bao gồm cả giảng dạy trực tuyến và từ xa.

- Phạm vi áp dụng: Ngoại lệ này áp dụng cho các cơ sở giáo dục chính thức được nhà nước công nhận (như trường học, đại học) và nhằm phục vụ cho các mục đích phi thương mại.

- Hình thức sử dụng: Các tài liệu số có thể được sử dụng trong các hoạt động dạy và học mà không cần xin phép, miễn là việc sử dụng phù hợp với mục đích giảng dạy. Các tài liệu này có thể bao gồm các trích đoạn từ sách, bài báo, hình ảnh, video, hoặc các tài liệu khác.

- Giới hạn về phạm vi nội dung được phép sử dụng: Việc sử dụng phải "giới hạn ở mức cần thiết" cho mục đích giảng dạy. Điều này có nghĩa là không được phép sao chép toàn bộ tác phẩm hoặc sử dụng nhiều hơn mức cần thiết cho mục đích học tập cụ thể.

Quyền của các quốc gia thành viên trong việc điều chỉnh quy định:

- Các quốc gia thành viên có quyền áp dụng những điều kiện bổ sung: Chỉ thị cho phép các quốc gia thành viên điều chỉnh hoặc bổ sung các quy định để phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Ví dụ, một số quốc gia có thể yêu cầu các cơ sở giáo dục phải trả phí bồi thường hợp lý cho tác giả khi sử dụng tài liệu số.

- Khả năng áp dụng các thỏa thuận cấp phép: Thay vì chỉ dựa vào ngoại lệ về bản quyền, các quốc gia thành viên có thể khuyến khích việc sử dụng các thỏa thuận cấp phép giữa các tổ chức giáo dục và chủ sở hữu bản quyền, để đảm bảo rằng việc sử dụng tài liệu số cho giáo dục được thực hiện một cách hợp pháp và công bằng.

Các điều kiện bổ sung để đảm bảo quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản:

- Bảo đảm quyền lợi của tác giả: Chỉ thị yêu cầu các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng quyền lợi của tác giả không bị xâm phạm nghiêm trọng khi áp dụng ngoại lệ về giáo dục.

- Khuyến khích sử dụng nền tảng kỹ thuật số được kiểm soát: Khi thực hiện giảng dạy trực tuyến, các cơ sở giáo dục nên sử dụng các nền tảng kỹ thuật số có kiểm soát, đảm bảo rằng chỉ những người tham gia hoạt động giáo dục mới có quyền truy cập vào tài liệu số được sử dụng.

Các quy định khác của Chỉ thị bản quyền số liên quan đến môi trường kỹ thuật số

- Điều 17 (trước đây là Điều 13) về trách nhiệm của các nền tảng trực tuyến: Quy định này yêu cầu các nền tảng chia sẻ nội dung trực tuyến, như YouTube hoặc Facebook, phải có trách nhiệm đảm bảo rằng các nội dung do người dùng tải lên không vi phạm bản quyền. Điều này liên quan gián tiếp đến giáo dục, vì các tài liệu học tập số được chia sẻ trên các nền tảng này có thể phải tuân thủ các quy định về bản quyền.

- Quy định về khai thác văn bản và dữ liệu (Điều 3 và Điều 4): Chỉ thị cho phép các cơ sở giáo dục và nghiên cứu thực hiện khai thác văn bản và dữ liệu trên quy mô lớn, miễn là các hoạt động này nhằm phục vụ mục đích nghiên cứu phi lợi nhuận.

Tác động của Chỉ thị đến môi trường giáo dục và nghiên cứu:

- Khuyến khích việc số hóa và sử dụng tài liệu số: Chỉ thị tạo điều kiện cho các trường học và đại học sử dụng tài liệu số trong giảng dạy, đồng thời khuyến khích việc số hóa các tài liệu giáo dục truyền thống để phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu.

- Đảm bảo quyền lợi công bằng cho tác giả và người sáng tạo: Bằng cách yêu cầu bồi thường hợp lý hoặc khuyến khích thỏa thuận cấp phép, chỉ thị đảm bảo rằng các tác giả vẫn được hưởng lợi ích tài chính khi tác phẩm của họ được sử dụng rộng rãi trong môi trường giáo dục.

- Tăng cường trách nhiệm pháp lý đối với các nền tảng số: Việc yêu cầu các nền tảng trực tuyến kiểm soát chặt chẽ hơn nội dung do người dùng tải lên sẽ giúp hạn chế việc vi phạm bản quyền.

Chỉ thị bản quyền số của EU giúp hiện đại hóa các quy định về bản quyền trong môi trường kỹ thuật số, đồng thời đảm bảo sự cân bằng giữa việc bảo vệ quyền lợi của tác giả và nhu cầu sử dụng tài liệu số cho mục đích giáo dục.

Australia:

Chính sách hỗ trợ thư viện trường học và cơ chế cấp phép tài nguyên số cho mục đích giáo dục và nghiên cứu của Australia có nhiều điểm đáng chú ý. Australia áp dụng các quy định linh hoạt để thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên số trong giáo dục và nghiên cứu, đảm bảo rằng người học và giảng viên có quyền tiếp cận các tài liệu học tập cần thiết, trong khi vẫn bảo vệ quyền lợi của tác giả.

Ngoại lệ về bản quyền cho mục đích giáo dục và thư viện:

- Luật Bản quyền Australia cho phép một số ngoại lệ đối với việc sao chép và sử dụng tài liệu có bản quyền cho mục đích giáo dục và nghiên cứu, đặc biệt là trong các trường học và thư viện. Các ngoại lệ này bao gồm việc sao chép tài liệu cho giảng dạy, nghiên cứu và học tập, và sao chép tài liệu cho các mục đích quản lý của thư viện.

- Thư viện trường học có thể sao chép các tài liệu học tập số (như sách, bài báo, hình ảnh, âm thanh) nếu chúng phục vụ cho các mục đích giáo dục, và việc sao chép không làm ảnh hưởng lớn đến giá trị thương mại của tác phẩm.

Hệ thống cấp phép giáo dục bản quyền (Statutory Licensing Scheme):

- Australia có hệ thống cấp phép giáo dục theo luật định, cho phép các cơ sở giáo dục sử dụng tác phẩm có bản quyền một cách hợp pháp thông qua việc trả phí bản quyền hợp lý. Các khoản phí này được trả cho các tổ chức quản lý quyền, sau đó được phân phối lại cho các tác giả và nhà xuất bản.

- Hệ thống này cho phép các trường học sao chép và sử dụng một phần hoặc toàn bộ các tài liệu số và in ấn (bao gồm sách, tạp chí, báo, tài liệu trực tuyến) để phục vụ mục đích giảng dạy mà không cần xin phép riêng lẻ từ từng chủ sở hữu bản quyền.

Sáng kiến số hóa và truy cập mở:

- Chính phủ Australia khuyến khích các sáng kiến số hóa và truy cập mở để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận tài liệu học tập số. Các thư viện trường học có thể tham gia vào các dự án số hóa, hợp tác với các trường đại học và tổ chức khác để cung cấp các nguồn tài liệu số hóa miễn phí cho mục đích học tập.

- Australia cũng hỗ trợ các nền tảng và thư viện kỹ thuật số như Trove, cho phép học sinh và giáo viên truy cập vào các tài liệu số có giá trị lịch sử và học thuật.

Nhật Bản:

Cũng như Australia, Nhật Bản áp dụng các quy định linh hoạt để đảm bảo quyền tiếp cận tác phẩm số phù hợp cho người học và giảng viên trong khi vẫn bảo vệ quyền hợp pháp của tác giả.

Ngoại lệ về bản quyền cho giáo dục:

- Luật Bản quyền Nhật Bản có các ngoại lệ rõ ràng cho việc sử dụng tài liệu có bản quyền trong giáo dục và nghiên cứu. Các trường học và thư viện có thể sử dụng một phần tài liệu có bản quyền cho các hoạt động giảng dạy mà không cần xin phép hoặc trả phí, miễn là việc sử dụng không gây thiệt hại cho quyền lợi kinh tế của tác giả.

- Quy định này bao gồm các tài liệu số như sách điện tử, tài liệu học tập trực tuyến, và các tài liệu số khác có thể được sử dụng trong môi trường giáo dục.

Hệ thống cấp phép tập thể (Collective Licensing System):

- Nhật Bản áp dụng hệ thống cấp phép tập thể để đảm bảo rằng các tài liệu có bản quyền được sử dụng một cách hợp pháp trong môi trường giáo dục và nghiên cứu. Các tổ chức quản lý quyền, chẳng hạn như Japan Copyright Office, chịu trách nhiệm cấp phép và thu phí từ các trường học, sau đó phân phối lại cho các tác giả và nhà xuất bản.

- Hệ thống cấp phép tập thể cho phép các cơ sở giáo dục sao chép và sử dụng một cách rộng rãi các tài liệu số, bao gồm cả việc phân phối tài liệu cho người học thông qua các nền tảng trực tuyến của nhà trường.

Các dự án thư viện số và tài liệu giáo dục mở:

- Nhật Bản đã đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển các thư viện số và các nguồn tài liệu giáo dục mở (OER - Open Educational Resources). Các dự án này giúp học sinh và giáo viên truy cập miễn phí vào tài liệu học tập số chất lượng cao, chẳng hạn như sách điện tử, video giảng dạy, và các khóa học trực tuyến mở rộng.

- Thư viện số quốc gia, chẳng hạn như Japan Digital Library, cung cấp nhiều tài liệu số hóa có thể truy cập công khai, giúp hỗ trợ cho việc giảng dạy và nghiên cứu trong các trường học.

Chương trình hỗ trợ số hóa tài liệu giáo dục truyền thống:

- Chính phủ Nhật Bản đã đưa ra các chương trình hỗ trợ số hóa tài liệu giáo dục truyền thống, nhằm chuyển đổi các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy thành phiên bản số. Chương trình này nhằm đảm bảo rằng người học có thể tiếp cận tài liệu số ngay cả trong các tình huống đặc biệt, chẳng hạn như trong trường hợp học từ xa hoặc trong thời gian khủng hoảng (như dịch bệnh).

Những chính sách này cho thấy sự quan tâm và đầu tư của cả Australia và Nhật Bản vào việc hỗ trợ thư viện trường học và tài nguyên số hóa, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đảm bảo việc tuân thủ quy định bản quyền.

Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ bản quyền tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu tại Việt Nam

Từ vai trò, ý nghĩa của việc bảo vệ bản quyền tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu ở Việt Nam cũng như từ kinh nghiệm luật pháp nước ngoài, có thể thấy các giải pháp bước đầu để hoàn thiện pháp luật cần được triển khai như sau:

- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật: Đề xuất điều chỉnh Luật Sở hữu trí tuệ để tạo thuận lợi cho việc sử dụng tài liệu số trong giáo dục và nghiên cứu. Trong đó đặc biệt lưu ý tiếp thu các quy định ngoại lệ mang tính mở về bản quyền tác phẩm số trong hoạt động giáo dục và nghiên cứu của các quốc gia trên thế giới

- Xây dựng cơ chế cấp phép linh hoạt: Khuyến khích các cơ chế cấp phép mở (open licensing) và việc sử dụng tài liệu giáo dục công cộng (OER). Trong cơ chế này, vai trò của Nhà nước là tối quan trọng trong việc kết nối nguồn lực và tạo ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Việc xây dựng cơ chế cấp phép mở và việc sử dụng tài liệu giáo dục công cộng có thể dựa trên các trụ cột chính là: Xây dựng thư viện số quốc gia với hệ thống tác phẩm số là nguồn cho thư viện địa phương, thư viện trường học; Vận động trên diện rộng cấp phép mở cho tác phẩm số sử dụng trong giáo dục và nghiên cứu theo hình thức hiến tặng; Tăng cường hợp tác quốc tế để khai thác các nguồn tác phẩm số được cung cấp miễn phí từ các hệ thống quốc tế.

- Nâng cao nhận thức về bản quyền trong môi trường giáo dục: Tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn, tuyên truyền rộng rãi cho giảng viên, người học về tầm quan trọng của bản quyền.

- Khuyến khích hợp tác quốc tế: Học hỏi và áp dụng các mô hình quốc tế thành công trong quản lý và bảo vệ bản quyền.

Tài liệu tham khảo:

1.Đạo luật quyền tác giả Hợp chúng quốc Hoa Kỳ

<https://phapluatdansu.edu.vn/2017/03/13/22/40/luat-quyen-tc-gia-hop-chung-quoc-hoa-ky-ban-dich-trn-cov-gov-vn/>

2.Chỉ thị 2019/790 ngày 17/04/2019 về bản quyền và quyền liên quan trong Thị trường chung kỹ thuật số (EU-DSM)

https://www.dropbox.com/s/1jj51lc0e8r64pl/CELEX_32019L0790_EN_TXT_Vi-04052020.pdf?dl=0

3.Luật Bản quyền tác giả Nhật Bản

<https://phapluatdansu.edu.vn/wp-content/uploads/2017/03/luat-quyen-tac-gia-nhat-ban-copyright-act-of-japan-2014-03-24.pdf>

4. Luật Bản quyền Australia:

<https://www.legislation.gov.au/C1968A00063/2019-01-01/text>

3. “Copyright and Fair Use: A Guide for the Harvard Community”, Harvard University Office of the General Counsel (16/02/2023), tr.1.

https://ogc.harvard.edu/files/ogc/files/ogc_copyright_and_fair_use_guide_5-31-16.pdf

4. Phạm Minh Huyền (29/04/2022), “Hoàn thiện pháp luật Việt nam về ngoại lệ quyền tác giả trong cách mạng công nghiệp 4.0), Tạp chí khoa học Trường đại học Mở Hà Nội, số 90.